|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC&ĐÀO TẠO BẮC GIANG CỤM THPT HUYỆN SƠN ĐỘNG** | **HDC THI HỌC SINH GIỎI CẤP CƠ SỞ NĂM HỌC 2023 - 2024**  Môn: Địa lí - Lớp 11 |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (14,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề\câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **111** | **C** | **C** | **C** | **A** | **B** | **C** | **C** | **C** | **D** | **D** |
| **112** | **D** | **B** | **A** | **A** | **B** | **A** | **D** | **C** | **D** | **D** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề\câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **111** | **B** | **A** | **D** | **A** | **B** | **B** | **A** | **A** | **A** | **B** |
| **112** | **D** | **B** | **B** | **C** | **D** | **A** | **A** | **D** | **C** | **A** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề\câu** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **111** | **C** | **B** | **B** | **B** | **B** | **B** | **D** | **B** | **A** | **C** |
| **112** | **D** | **B** | **A** | **D** | **A** | **C** | **C** | **B** | **A** | **D** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề\câu** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **111** | **A** | **A** | **D** | **D** | **D** | **A** | **B** | **B** | **C** | **B** |
| **112** | **A** | **B** | **D** | **B** | **B** | **C** | **B** | **A** | **C** | **A** |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1 (3,0 điểm)** | **1. Hoàn thành các thông tin còn thiếu trong bảng sau về các tổ chức UN, WTO, IMF, APEC** | **1.0** |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tên tổ chức** | **UN** | **WTO** | **IMF** | **APEC** | | Năm thành lập | 1945 | 1995 | 1944 | 1989 | | Số thành viên | 193 | 164 | 190 | 21 | | Tôn chỉ hoạt động | Đảm bảo một nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững | Thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch. | Thúc đẩy hợp tác tiền tệ toàn cầu, đảm bảo sự ổn định tài chính, tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế, thúc đẩy việc làm, tăng tưởng kinh tế bền vững và giảm nghèo trên toàn thế giới. | Thúc đẩy tự do thương mại, đầu tư và mở cửa trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương | | Năm Việt Nam gia nhập | 1977 | 2007 | 1976 | 1998 | | *(Mỗi tổ chức điền đúng thông tin được 0.25 điểm)* |
| **2. Phân tích ảnh hưởng của địa hình, đất đai và khí hậu Đông Nam Á đến phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.** | **2.0** |
| ***Ảnh hưởng của địa hình, đất đai Đông Nam Á đến phát triển kinh tế - xã hội.*** | **1.0** |
| \* Thuận lợi: địa hình và đất đai có sự phân hoá nền nông nghiệp có cơ cấu ngành đa dạng.  - Đông Nam Á lục địa:  + Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi chạy theo hướng tây bắc- đông nam hoặc bắc- nam , đất chủ yếu là Feralit thuận lợi trồng các cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc.  + Các đồng bằng châu thổ do các hệ thống sông lớn bồi đắp và mở rộng (dẫn chứng), đất phù sa màu mỡ => Thuận lợi phát triển nông nghiệp..  - Đông Nam Á hải đảo:  + Địa hình chủ yếu là núi trẻ với nhiều núi lửa, các đồng bằng nhỏ hẹp ở ven biển, đồng bằng lớn ở các đảo Calimanta, Xumatra...  + Đất đai màu mỡ....  \* Khó khăn: địa hình bị chia cắt gây khó khăn cho giao lưu kinh tế | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| ***Ảnh hưởng của khí hậu Đông Nam Á đến phát triển kinh tế - xã hội.*** | **1.0** |
| Đông Nam Á nằm ở nhiều đới và nhiều kiểu khí hậu và có sự phân hoá theo mùa và theo đai cao.  - Đông Nam Á lục địa: nhiệt đới gió mùa, cận nhiệt gió mùa.  - Đông Nam Á hải đảo: nhiệt đới gió mùa, xích đạo và cận xích đạo  => Đánh giá:  - Thuận lợi: phát triển nông nghiệp nhiệt đới, du lịch và cư trú, tạo điều kiện cho rừng nhiệt đới phát triển quanh năm.  - Khó khăn: thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt... Biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng... | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **Câu 2 (3,0 điểm)** | **1. Tính trị giá xuất, nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2020** | **1.0** |
| **TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KÌ**  **GIAI ĐOẠN 2000-2020** (*Đơn vị: tỉ USD*)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Trị giá/ Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** | **2020** | | Xuất khẩu | 1 096,1 | 1 301,6 | 1 857,2 | 2 268,5 | 2 148,6 | | Nhập khẩu | 1477,2 | 2 041,5 | 2 389,6 | 2 794,8 | 2 776,1 | |  |
| **2. Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kì giai đoạn 2000-2020.** | **1.25** |
| - Vẽ biểu đồ cột ghép (cột nhóm). Dạng biểu đồ khác ko cho điểm.  - Yêu cầu: đầy đủ, đúng và đẹp.  - Thiếu hoặc sai các lỗi sau đây sẽ bị trừ 0,25 điểm/lỗi: tên biểu đồ, chú giải, số liệu, khoảng cách năm. |  |
| **3. Nhận xét về tình hình xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ** | **0.75** |
| * **Về trị giá xuất, nhập khẩu:**   + Tổng trị giá xuất, nhập khẩu của Hoa Kì rất lớn, xu hướng ngày càng tăng (trừ năm 2020) *(dẫn chứng).*  + Trị giá xuất khẩu *(dẫn chứng).*  + Trị giá nhập khẩu *(dẫn chứng).*  + Tuy cùng có xu hướng tăng nhưng trị giá xuất khẩu tăng nhanh hơn trị giá nhập khẩu *(dẫn chứng).*   * **Về cán cân xuất, nhập khẩu:**   + Cán cân xuất nhập khẩu luôn âm, Hoa Kì là nước nhập siêu liên tục.  + Trị giá nhập siêu ngày càng lớn *(dẫn chứng)* | 0.5  0.25 |
| **TỔNG** | | **6,0** |

**\*Hướng dẫn cách tính điểm của câu hỏi theo đặc thù môn học**:

*Học sinh diễn đạt khác, vẫn đảm bảo đúng vẫn cho điểm tối đa.*